

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN**

---***---

Nguyễn Quang Anh

**CƠ SỞ ĐỊA MẠO CHO XÁC ĐỊNH CÁC ĐIỂM ĐỊNH CƯ
VÀ BẢO TỒN CÁC DI CHỈ CỦA NGƯỜI VIỆT CỔ
KHU VỰC THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Chuyên ngành: Quản lý Tài nguyên và Môi trường
Mã số: 9850101.01

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ
QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Hà Nội - 2020

Công trình được hoàn thành tại: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS Đặng VănBào

Phản biện:

Phản biện:

Phản biện:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp Cơ sở chấm luận án tiến sĩ họp tại Trường Đại học Khoa học Tự nhiên

vào hồi giờ ngày tháng năm 2020

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam

- Trung tâm Thông tin - Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Địa hình có ý nghĩa hết sức quan trọng trong mọi mặt của đời sống kinh tế xã hội. Đặc biệt đối với việc xây dựng cơ sở hạ tầng và định cư thì địa hình chính là yếu tố đầu tiên và quan trọng được xét đến để xác định và chọn lựa. Đặc điểm địa mạo và quá trình biến động địa hình luôn có những ảnh hưởng rất lớn đến quá trình định cư và phát triển của cư dân trong lịch sử. Chủ đề đặc điểm và quá trình định cư gắn liền tới câu chuyện hình thành nền văn hóa, dân tộc là một nội dung luôn được quan tâm rất rộng rãi. Với từng ngành khoa học chuyên ngành cụ thể việc nghiên cứu này lại gặp khá nhiều khó khăn. Do vậy để có được hiểu biết đầy đủ, chính xác và toàn diện về vấn đề này cần có những tiếp cận liên ngành giữa địa mạo, khảo cổ học và lịch sử chứ không đơn thuần trên một tiếp cận đơn lẻ nào.

Về khu vực nghiên cứu, Hà Nội là trung tâm hành chính, chính trị và cũng là trung tâm kinh tế văn hóa của cả nước. Là thủ đô ngàn năm văn hiến với quá trình lịch sử và định cư lâu đời, việc hiểu được đặc điểm và quá trình định cư của người Việt cổ ở khu vực Hà Nội không chỉ làm sáng tỏ sự hình thành nguồn gốc của cư dân thủ đô, mà còn góp tiếng nói từ góc độ địa lý tự nhiên, địa mạo góp phần lý giải được cội nguồn quá trình phát triển của lịch sử dân tộc. Hà Nội cũng là khu vực có tốc độ mở rộng đô thị và đô thị hóa nhanh, các công trình nhân tạo lớn đang lấn nhiều không gian tự nhiên tiềm ẩn các nguy cơ phá hủy di tích nếu không có các cảnh báo về tiềm năng di tích của từng khu vực.

Như vậy, đề tài luận án “Cơ sở địa mạo cho xác định các điểm định cư và bảo tồn các di chỉ của người Việt cổ khu vực thành phố Hà Nội” là một nghiên cứu liên ngành, không chỉ xác định các điểm định cư, di cư trong quá khứ, mà còn có góp phần làm sáng tỏ quá trình hình thành và phát triển của lịch sử dân tộc và đánh giá đúng

ảnh hưởng của tự nhiên tới con người trong quá khứ. Không những thế, việc hiểu được đặc điểm định cư của người Việt cổ có thể hỗ trợ việc tìm kiếm các di chỉ khảo cổ, cảnh báo nguy cơ phá hủy di chỉ do đô thị hóa và là nguồn tài liệu hữu ích cho việc qui hoạch phát triển bền vững Thủ đô trong tương lai.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ

Mục tiêu của luận án

Làm rõ được đặc điểm địa mạo, lịch sử phát triển địa hình trong mối quan hệ với sự phân bố các di chỉ khảo cổ phản ánh đặc điểm cư trú của người cổ từ Pleistocen muộn đến Holocen muộn, là cơ sở cho việc luận giải, xác định và bảo tồn các di chỉ khảo cổ trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Nội dung nghiên cứu

- Tổng quan và xây dựng cơ sở lý luận về mối quan hệ giữa địa hình và vị trí cư trú thông qua các di chỉ khảo cổ;
- Nghiên cứu đặc điểm địa mạo thành phố Hà Nội;
- Thu thập, phân tích và xác định vị trí các di chỉ khảo cổ, di tích lịch sử văn hóa và mối liên hệ của chúng với các đơn vị địa mạo;
- Phân tích quan hệ giữa quá trình định cư, chiếm lĩnh đồng bằng của người Việt cổ thông qua các di chỉ khảo cổ với tiến hóa địa hình thành phố Hà Nội;
- Phân tích, xác định các dạng địa hình, không gian có tiềm năng phân bố các vị trí định cư và các không gian liên quan với quá trình địa mạo làm mất các di chỉ khảo cổ, làm cơ sở cho việc đề xuất định hướng bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa khảo cổ trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3. Phạm vi nghiên cứu

Về mặt không gian: Luận án nghiên cứu trên một không gian bao gồm toàn bộ thành phố Hà Nội sau khi mở rộng từ năm 2008, một số phần có so sánh trên toàn bộ đồng bằng sông Hồng và một số

vùng khác của Việt Nam, nhưng chủ yếu tập trung đi sâu phân tích các khu vực đặc biệt có mức độ phân bố các di chỉ khảo cổ dày đặc nằm trong địa bàn Thủ đô Hà Nội.

Về mặt thời gian: Đối với địa chất địa mạo thì luận án đi vào nghiên cứu hình thành đồng bằng Hà Nội từ Pleistocen muộn tới nay. Đối với quá trình cư trú của con người thì luận án tập trung đề cập và nghiên cứu từ khi có di chỉ chứng minh sự xuất hiện đầu tiên của con người ở vùng đất Hà Nội từ văn hóa Sơn Vi cho đến hết văn hóa Đông Sơn vào đầu thời kỳ Bắc thuộc.

4. Những điểm mới của luận án

- Đúc rút cơ sở lý luận về mối quan hệ giữa địa hình và các di chỉ khảo cổ học; lịch sử hình thành và phát triển địa hình với quá trình định cư, di cư của con người từ Pleistocen muộn tới Holocen muộn.

- Xác định được đặc điểm phân bố của các di chỉ khảo cổ trên các dạng địa hình có nguồn gốc và tuổi khác nhau trong phạm vi thành phố Hà Nội.

- Làm rõ được mối liên quan giữa tiến hóa địa mạo với các vị trí cư trú của người Việt cổ, làm cơ sở cho việc định hướng tìm kiếm, bảo tồn và phát huy giá trị các di chỉ khảo cổ trong phạm vi thành phố Hà Nội.

5. Các luận điểm bảo vệ

Luận điểm 1: Các điểm cư trú của người Việt cổ được phản ánh qua các di chỉ khảo cổ có sự phân hóa rõ ràng trên địa hình, sắp xếp theo thứ tự trẻ dần theo hướng dòng chảy sông Hồng và chi lưu.

Luận điểm 2: Nghiên cứu đặc điểm hình thành và tiến hóa địa hình, đặc biệt là hoạt động địa mạo của sông Hồng và sự phân bố các khu vực nổi cao gian sông từ Pleistocen muộn tới Holocen là cơ sở cho việc định hướng tìm kiếm, bảo tồn và phát huy giá trị các di chỉ khảo cổ thành phố Hà Nội.

6. Ý nghĩa Khoa học và thực tiễn

Ý nghĩa khoa học: Luận án có sử dụng cách tiếp cận liên ngành giữa địa mạo và lịch sử, khảo cổ. Đây là một hướng ứng dụng mới của địa lý, địa mạo có ý nghĩa về mặt lý luận giữa mối quan hệ liên kết chặt chẽ giữa điều kiện tự nhiên và các vấn đề lịch sử văn hóa, kinh tế - xã hội.

Ý nghĩa thực tiễn:

- Xây dựng bản đồ địa mạo ứng dụng xác định các khu vực tiềm năng có di chỉ khảo cổ học.

- Định hướng, tổ chức không gian quy hoạch bảo tồn và phát triển Thủ đô Hà Nội.

- Lý giải và làm sáng tỏ quá trình hình thành và định cư của cư dân Việt cổ.

7. Cơ sở tài liệu

Về tài liệu địa chất, địa mạo và điều kiện tự nhiên: luận án kế thừa các nghiên cứu căn bản về đã được nghiên cứu và công bố trước đây về thành phố Hà Nội. Điển hình là các cuốn sách: “Hà Nội: địa chất, địa mạo và các tài nguyên liên quan” của tác giả Vũ Văn Phái (chủ biên), “Địa lý Hà Nội” của Nguyễn Viết Thịnh (chủ biên), sông hồ Hà Nội của Đặng Văn Bào (chủ biên). Cùng với bản đồ địa chất Hà Nội của Ngô Quang Toàn, bản đồ địa mạo Hà Nội của Đào Đình Bắc. Các nội dung về địa mạo trong luận án được cập nhật, điều chỉnh chi tiết và đầy đủ hơn về các dạng địa hình ở khu vực đồng bằng thuận lợi cho cư trú qua các lần điều tra thực địa.

Về tài liệu khảo cổ: Luận án tập hợp và thống kê dựa trên các di tích, di chỉ khảo cổ đã công bố của Hà Văn Tấn, Nguyễn Việt, Nguyễn Khắc Sử, Hoàng Văn Khoán, Hán Văn Khẩn, Bùi Văn Liêm về các di tích, di chỉ khảo cổ trên địa bàn Hà Nội

Về dữ liệu bản đồ luận án sử dụng bản đồ nền hành chính Hà Nội được số hóa và biên tập lại trên phần mềm ArcGIS. Dữ liệu giao

thông sử dụng dữ liệu của openstreetsmap.org . Mô hình số độ cao và ảnh vệ tinh sử dụng dữ liệu cung cấp miễn phí của cục Cục Khảo sát Địa chất Hoa Kỳ (USGS).

8. Cấu trúc luận án

Phân mở đầu

Chương 1. Cơ sở lý luận về nghiên cứu địa mạo cho xác định các điểm cư trú và bảo tồn các di sản khảo cổ của người nguyên thủy và Việt cổ khu vực thành phố Hà Nội

Chương 2. Đặc điểm địa mạo và phân bố di tích khảo cổ khu vực thành phố Hà Nội

Chương 3. Phân tích địa mạo trong mối quan hệ với quá trình định cư và bảo tồn di chỉ của người Việt cổ

Kết luận

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1.1. Tổng quan các nghiên cứu về mối quan hệ giữa địa mạo với điểm định cư và bảo tồn di tích khảo cổ

1.1.1. Tổng quan các nghiên cứu ở nước ngoài

Mối liên quan giữa địa mạo với điểm định cư và các di tích khảo cổ:

Thuật ngữ “địa khảo cổ” (Geoarchaeology) được sử dụng chính thức đầu tiên trong công trình “Geoarchaeology” của Davidson và Shackley năm 1976 [81] và bắt đầu được coi như là một ngành khoa học kết nối giữa khoa học Trái Đất và Khảo cổ học. Trong cuốn “Earth Sciences and Archaeology” [93] các tác giả cũng đã đặt vai trò và vị trí của địa mạo học lên hàng đầu trong các ứng dụng của khoa học Trái Đất để nghiên cứu khảo cổ. Công trình này cũng đặc biệt nhấn mạnh tới vai trò của địa mạo trong nghiên cứu về quá trình biến đổi cảnh quan, đặc biệt ở khu vực đồng bằng châu thổ đối với khảo cổ học.

Có thể nói vai trò của nghiên cứu địa mạo đặc biệt là địa mạo đồng bằng châu thổ là không thể thay thế trong nghiên cứu về đặc

điểm và quá trình định cư của con người. Việc lựa chọn nơi định cư và hoạt động nông nghiệp của con người đều cần có các dạng địa hình phù hợp và các phương pháp địa mạo có thể làm sáng tỏ quá trình phát sinh, phát triển địa hình, thậm chí khôi phục lại đặc điểm địa hình trong quá khứ, từ đó giải thích được đặc điểm và quá trình định cư của con người trên các khu vực.

Bản đồ địa mạo cho nghiên cứu các điểm định cư

Bản đồ địa mạo được coi là một trong những công cụ tốt nhất để hiểu được bối cảnh tự nhiên của bề mặt trái đất. Nó cung cấp một mô tả khách quan đầy đủ về hình thái địa hình cùng với tên cụ thể. Bản đồ địa mạo bao gồm thông tin trên thuộc tính không gian của địa hình (như hướng, độ dốc, bậc độ cao...); nguồn gốc và tiến hóa trong quan hệ với nội sinh/ngoại sinh và quá trình trên bề mặt. Với đặc điểm như vậy bản đồ địa mạo gần như là một nội dung bắt buộc phải xây dựng trong mọi nghiên cứu địa mạo. Tuy nhiên do sự đa dạng về nội dung, tỷ lệ, mục đích sử dụng nên bản đồ địa mạo cũng khá đa dạng về phương pháp thành lập và ký hiệu. Các nghiên cứu cụ thể cũng ứng dụng khá linh hoạt các dạng khác nhau của bản đồ địa mạo để thành lập các bản đồ cho mình.

1.1.2. Tổng quan nghiên cứu ở Việt Nam

Các nghiên cứu địa mạo - địa chất cho khảo cổ

Trong giai đoạn thập kỷ 70, 80 của thế kỷ trước, các nhà khảo cổ cùng các chuyên gia địa mạo, trầm tích đệ tứ ở Việt Nam cũng đã có nhiều nghiên cứu về đặc điểm cổ môi trường của các điểm cư trú, di chỉ khảo cổ học. Gần đây các phát hiện khảo cổ mới cũng đều có sự tham gia nghiên cứu và cố vấn từ các nhà địa chất đệ Tứ, địa mạo. Có thể thấy tuy có những thời điểm các nghiên cứu địa mạo, địa chất cho khảo cổ ít được đầu tư, công bố nhưng các nhà địa mạo – địa chất Việt Nam vẫn luôn quan tâm và hợp tác chặt chẽ với các nhà khảo cổ, lịch sử trong các nghiên cứu liên ngành.

Nhìn nhận về địa mạo, địa chất của các nhà Khảo cổ - Lịch sử

Ngay từ thời kỳ đầu của nền sử học hiện đại Việt Nam đã rất đề cao vai trò địa lý và tiếp cận địa lý học lịch sử. Gần đây cũng đã có nhiều nhà sử học trong nước và quốc tế quan tâm tới vấn đề lịch sử môi trường ở Việt Nam.

1.1.3. Các nghiên cứu địa mạo và vấn đề định cư của người Việt cổ khu vực thành phố Hà Nội và châu thổ sông Hồng

Các công trình nghiên cứu về địa mạo - địa chất Đệ tứ Hà Nội

Về mặt tự nhiên, nghiên cứu về cổ địa lý và lịch sử phát triển châu thổ sông Hồng được các nhà khoa học của Viện Địa Chất, Viện Hàn lâm KHCN Việt Nam và trường ĐH Tổng hợp Hà Nội tiến hành thực hiện từ những năm 80 của thế kỷ trước. Các nghiên cứu này được liên tục và gần đây các nghiên cứu về địa chất, địa mạo Hà Nội cũng được tổng hợp lại qua một số các công trình tiêu biểu như cuốn: “Hà Nội: địa chất địa mạo và tài nguyên liên quan”, “Sông và hồ Hà Nội”...

Các nghiên cứu, phát hiện khảo cổ học Hà Nội và đặc điểm định cư của người Việt cổ ở đồng bằng Sông Hồng

Từ những năm 60-70 của thế kỷ trước, các nhà khảo cổ học Việt Nam đã tiến hành khai quật khảo cổ và công bố rất nhiều các di chỉ khảo cổ quanh khu vực địa bàn thành phố Hà Nội. Từ những năm 2000 trở lại đây, một số công trình nghiên cứu về khảo cổ học đã xác lập mối quan hệ giữa môi trường sống của con người với quá trình định cư, sản xuất, phát triển đô thị của con người hay thông qua những dấu hiệu là các di tích lịch sử, khảo cổ đã phát hiện được. Các điểm quần cư được hiểu là các đơn vị làng xã. Nghiên cứu lịch sử hình thành làng xã cũng đóng vai trò trong việc nhìn nhận mối tương quan giữa con người và thiên nhiên của châu thổ. Làng xã được các nhà sử học, văn hóa học nghiên cứu từ rất lâu.

Các công trình nghiên cứu địa mạo - Đệ tứ với khảo cổ học Hà Nội

Các nghiên cứu địa mạo – Đệ tứ đã có những đóng góp quan trọng đối với khảo cổ học nói chung và khảo cổ học Hà Nội nói riêng. Tuy nhiên các nghiên cứu trước đây thường chỉ tập trung vào từng khía cạnh hoặc khu vực riêng biệt hay lấy các yếu tố tự nhiên như đặc điểm địa mạo, sông, hồ làm đối tượng nghiên cứu và đánh giá các di chỉ khảo cổ trong các mối quan hệ liên quan. Do đó để có một cái nhìn đầy đủ và toàn diện cần một nghiên cứu trên nền tảng và phương pháp địa mạo với mục tiêu hướng đến là hiểu, giải thích và lý giải quy luật phân bố của các di chỉ khảo cổ cả trên một không gian rộng như cả khu vực Hà Nội đồng thời nhìn nhận qui luật tiến hóa địa hình trên một dòng thời gian tương quan với các thời kỳ văn hóa khảo cổ.

1.2. Cơ sở lý luận về mối quan hệ giữa địa mạo với vị trí cư trú của người cổ

1.2.1. Khái niệm về tài nguyên địa mạo và địa mạo văn hóa

Quan niệm về tài nguyên địa mạo được Mario Panizza đưa ra trong công trình về địa mạo môi trường. Theo quan niệm này, Ý nghĩa căn bản của tài nguyên bắt nguồn từ một khái niệm văn hóa: nguyên liệu thô được biến đổi thành tài nguyên khi con người sử dụng nó trong những điều kiện xã hội, kinh tế và kỹ thuật cụ thể. Mặt khác, có thể thấy rằng địa hình chính là “sân khấu cho mọi hoạt động của con người” và khi một dạng địa hình nào đó được con người sử dụng cho hoạt động sinh sống của mình nó đã trở thành tài nguyên địa mạo.

Định nghĩa về địa mạo văn hóa Panizza và Piacente đề xuất lần đầu năm 2003 khẳng định 2 ý chính đó là: 1. địa mạo là một hợp phần của di sản văn hóa và cảnh quan 2. các quá trình địa mạo cần phải được xét đến trong mối quan hệ giữa các hợp phần văn hóa của một di sản.

1.2.2. Khái niệm về di tích di chỉ cư trú

Đối với khảo cổ học, mọi hoạt động của con người trong quá khứ đều để lại dấu vết ở ngay tại nơi đó. Theo thời gian, tất cả các dấu vết này sẽ dần bị vùi lấp xuống đất tạo thành các di tích khảo cổ, và di tích khảo cổ chính là đối tượng nghiên cứu chủ yếu của khảo cổ học. Và các di tích khảo cổ lưu giữ lại các dấu vết cư trú của con người trong quá khứ được gọi là di tích di chỉ cư trú. Các vị trí cư trú của người cổ có thể được nghiên cứu qua hệ thống các di tích di chỉ cư trú của khảo cổ học

1.2.3. Địa mạo trong xác định các điểm định cư của người cổ

Dựa trên cơ sở con người sử dụng địa hình một cách có lựa chọn, nghiên cứu địa mạo giúp chúng ta nhận biết được đặc trưng về mặt hình thái và nhận diện những vị trí thuận lợi cho sự định cư của con người. Trên cơ sở nhận thức đúng đắn về nguồn gốc phát sinh và quá trình phát triển của địa hình, địa mạo học có thể hiểu được bản chất của các dạng địa hình và phân biệt được trong địa hình hiện tại đâu là các dạng di lưu của quá khứ, đâu là dạng đang hình thành và phát triển. Nó cho phép chúng ta khôi phục lại những điều kiện cổ địa mạo và tìm hiểu lịch sử về mặt không gian sống của con người trước kia.

1.2.4. Địa mạo trong quản lý và bảo tồn các di sản văn hóa khảo cổ

Nhìn dưới góc độ của địa mạo học, thì quá trình vùi lấp các dấu vết hoạt động của con người xuống đất là một quá trình địa mạo và các di tích khảo cổ học đặc biệt là di chỉ cư trú hoàn toàn thích hợp để sử dụng quan niệm tài địa mạo văn hóa để nghiên cứu và quản lý. Một mô hình 5 bước để nghiên cứu mối quan hệ giữa địa mạo và di sản văn hóa cùng với khái niệm về địa mạo văn hóa

1.2.5. Bản đồ địa mạo trong xác định vị trí định cư và bảo tồn di tích khảo cổ

Việc ứng dụng bản đồ địa mạo khi nghiên cứu các di chỉ khảo cổ, các học giả trên thế giới nhìn chung thường chú ý hơn đến nhóm các địa hình đồng bằng đặc biệt là đồng bằng tuổi Pleistocen và Holocen và cố gắng chi tiết hóa, chính xác tuổi địa hình liên quan đến các di chỉ mà họ nghiên cứu. Các công trình nghiên cứu nước ngoài do rất đa dạng về không gian lãnh thổ nghiên cứu nên cũng không hoàn toàn thống nhất khi chọn cách xây dựng bản đồ địa mạo cho nghiên cứu di chỉ khảo cổ nhưng với khu vực và phạm vi nghiên cứu như của luận án thì thành lập bản đồ theo nguyên tắc nguồn gốc – lịch sử là phù hợp nhất.

1.3. Quan điểm tiếp cận và phương pháp nghiên cứu mối liên hệ giữa địa mạo và vị trí định cư của người cổ

1.3.1. Quan điểm tiếp cận

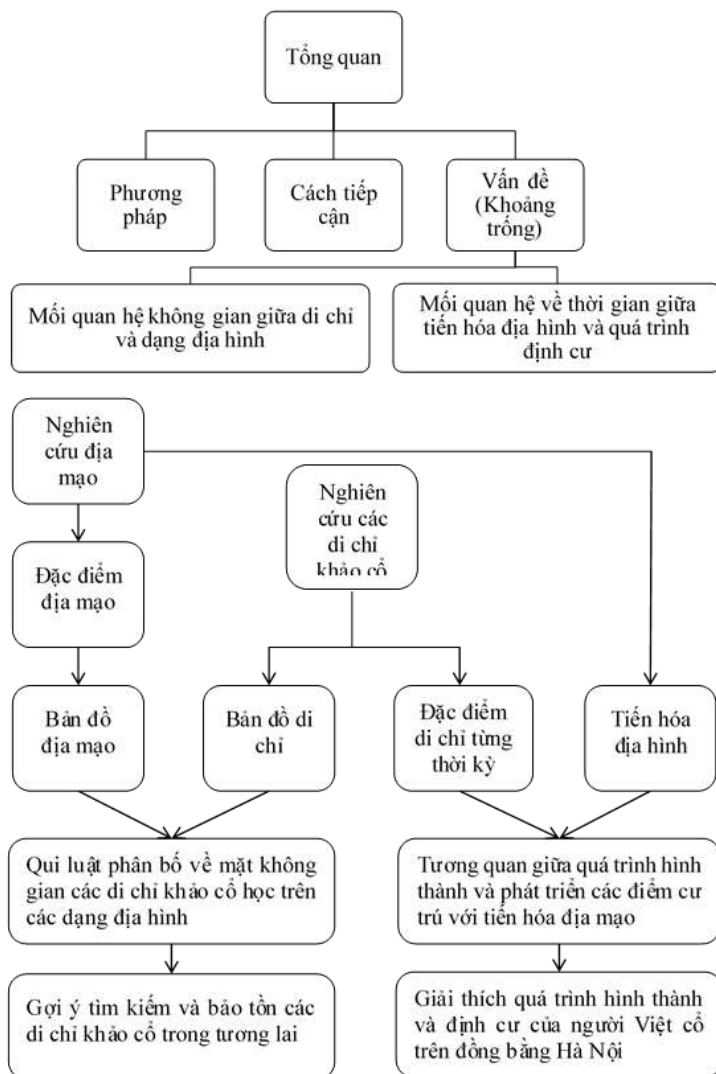
Về quan điểm tiếp cận, luận án sử dụng 3 quan điểm chính là: quan điểm hệ thống coi địa hình nằm trong một thể tự nhiên thống nhất và hoàn chỉnh cùng với các tương tác của con người; quan điểm lịch sử nhìn nhận các yếu tố từ địa hình đến cư trú theo một qui luật và logic tiến hóa chặt chẽ về thời gian; quan điểm khu vực học và liên ngành nhìn nhận vấn đề nghiên cứu là một vấn đề tổng thể với nhiều ngành khoa học liên quan trên một không gian lãnh thổ khu vực thì không nên bó hẹp trong tư liệu, cách tư duy và phương pháp của một ngành khoa học cụ thể mà tận dụng và kết hợp kiến thức của tất cả các ngành liên quan để giải quyết vấn đề.

1.3.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu luận án sử dụng một số phương pháp chung là: Tổng hợp, phân tích xử lý số liệu, tài liệu/kế thừa; Điều tra khảo sát thực địa; Thống kê. Các phương pháp về địa lý luận án sử dụng nhóm các phương pháp địa mạo, phương pháp bản đồ và hệ

thông tin địa lý. Ngoài ra luận án còn sử dụng các phương pháp về lịch sử và khảo cổ học.

1.3.3 Quy trình nghiên cứu



CHƯƠNG 2. ĐẶC ĐIỂM ĐỊA MẠO VÀ PHÂN BỐ DI TÍCH KHẢO CỔ KHU VỰC THÀNH PHỐ HÀ NỘI

2.1. Các nhân tố ảnh hưởng tới địa hình và vị trí định cư của người Việt cổ

2.1.1 Vị trí địa lý của Hà Nội

Khu vực Hà Nội nằm ở đỉnh của đồng bằng châu thổ sông Hồng, giao thoa giữa một số khu vực tiền châu thổ và khu vực đồng bằng được bồi tụ đầu tiên hay thùy châu thổ đầu tiên trong quá trình hình thành châu thổ sau biển tiến Holocen. Hà Nội là nơi hợp lưu của sông Hồng và sông Đà đồng thời cũng là nơi phân chia các chi lưu lớn của hệ thống sông Hồng là sông Đáy và sông Đuống. Các đặc điểm tự nhiên này đã tạo ra một điều kiện tự nhiên thuận lợi cho khu vực Hà Nội trở thành một trung tâm cư trú lớn của người Việt cổ đồng thời với vị trí trung tâm, đầu mối giao thông.

2.1.2. Các nhân tố tự nhiên

Về địa chất luận án tập trung quan tâm đến các hệ tầng từ cuối Pleistocene muộn đến Holocen muộn bao gồm: Hệ tầng Vĩnh Phúc, Hệ tầng Hải Hưng và Hệ tầng Thái Bình. Khí hậu Hà Nội mang đậm bản sắc của khí hậu vùng Đồng bằng Sông Hồng thuộc Miền khí hậu phía Bắc - khí hậu nhiệt đới gió mùa có mùa đông lạnh. Hệ thống thủy văn Hà Nội có điểm nhấn chính là sông Hồng và hệ thống các chi lưu của nó ở bên tả ngạn và hữu ngạn. Trong đó chi lưu quan trọng nhất với địa hình là sông Đáy.

2.1.2 Các hoạt động của con người

Quá trình nhân tác là một trong các nhân tố nổi trội làm nên diện mạo ngày nay của đồng bằng châu thổ Sông Hồng. Tác động địa mạo của con người trên lãnh thổ Hà Nội được thể hiện rõ rệt nhất ở các khía cạnh: đắp đê phòng lũ, xây hồ chứa trên thượng lưu và các hoạt động kinh tế xã hội hiện đại đặc biệt là quá trình đô thị hóa.

2.2.2. Đặc điểm các dạng địa hình

Địa hình bóc mòn tổng hợp

Bề mặt san bằng cao trên 200m, tuổi Neogen (a1)

Bề mặt pedimen cao 20 – 100m, tuổi Pleistocen sớm (a2)

Sườn trọng lực cao dốc >300 (a3)

Sườn rửa trôi bề mặt dốc 8 – 120 (a4)

Sườn bóc mòn tổng hợp, dốc 20 – 300 (a5)

Địa hình dòng chảy

Bề mặt tích tụ sông lũ cao 20 – 40m, tuổi Pleistocen giữa muộn (b1)

Thêm sông bậc II, cao 20 – 30m, tuổi đầu Pleistocen muộn (b2)

Thêm sông bậc I, cao 10 – 15m tuổi cuối Pleistocen muộn (b3)

Bãi bồi trong đê tuổi Holocen sớm – giữa (b4)

Bãi bồi trong đê tuổi Holocen muộn (b5)

Lòng sông và bãi cát ven lòng hiện đại (b6)

Lòng sông và bãi bồi ngoài đê của chi lưu ít bồi tích (b7)

Bề mặt tích tụ sông hồ đầm lầy tuổi Holocen muộn (b8)

Địa hình hỗn hợp sông – biển

Bề mặt tích tụ sông – biển cao 6-10m tuổi cuối Pleistocen muộn (c1)

Bề mặt tích tụ sông - biển cao 4 – 6m tuổi Holocen sớm - giữa (c2)

Bề mặt tích tụ biển – vũng vịnh cao 3 - 6m, tuổi Holocen giữa (c3)

Địa hình karst

Khối núi đá vôi với sườn rửa lũa – đổ lở (d1)

Núi đá vôi sót trên đồng bằng với sườn rửa lũa – đổ lở (d2)

Cánh đồng Karst ven rìa (d3)

2.2.3 Phân vùng địa mạo



2.3. Đặc điểm phân bố di tích khảo cổ học trên các dạng địa hình

2.3.1. Khái quát về các di tích khảo cổ học trên địa bàn Hà Nội và lân cận

Cho đến nay, trên địa bàn Hà Nội đã phát hiện 125 di tích khảo cổ thời tiền sử với 2 thời kỳ lớn là thời đại đá có 2 nền văn hóa khảo cổ: Sơn Vi và Hòa Bình; thời đại kim khí có 4 nền văn hóa theo thứ tự thời gian: Phùng Nguyên, Đông Đậu, Gò Mun và Đông Sơn.

Việc phân loại và đánh giá các di tích khảo cổ là tương đối phức tạp với nhiều các kiểu di tích khảo cổ rất khác nhau. Việc các định kiểu di tích có ý nghĩa rất quan trọng trong việc xác định mục đích sử dụng địa hình của các cư dân cổ. Trong các di chỉ được thống kê có 53 di tích di chỉ cư trú và có dấu vết cư trú thể hiện những vị trí được chọn làm nơi sinh sống của cư dân cổ

2.3.2. Đặc điểm phân bố các di tích khảo cổ trên các dạng địa hình

Sau khi xây dựng bản đồ địa mạo và phân tích vị trí các di tích khảo cổ trên bản đồ địa mạo có thể rút ra được qui luật và đặc điểm phân bố của các di tích khảo cổ trên các dạng địa hình như sau:

Người Việt cổ luôn ưu tiên chọn nơi cư trú là các thềm và khối sót của thềm bậc I tuổi Pleistocen muộn (về bản chất bãi bồi trong đê tuổi Holocen sớm – giữa và bề mặt tích tụ sông biển tuổi cuối Pleistocen muộn là các phần của thềm bậc I tuổi Pleistocen bị bóc mòn và phủ lên một lớp trầm tích biển – sông biển của giai đoạn biển tiến) bởi đây là các địa hình cao có cấu trúc ổn định hơn so với các khu vực xung quanh thuận lợi cho việc cư trú lâu dài. Ngoài ra các địa hình này được ưu tiên lựa chọn hơn khi xung quanh lại thường là các địa hình trũng thấp thuận lợi cho canh tác nông nghiệp lúa nước. Các thềm sông bậc I tuổi Pleistocen rộng lớn thì các di chỉ cũng thường phân bố ở rìa của các thềm này chứ hầu như không phân bố ở trung tâm của các thềm nơi gần các nguồn nước và dải địa hình trũng nhưng lòng sông hay máng xói.

CHƯƠNG 3. PHÂN TÍCH ĐỊA MẠO TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI ĐỊNH CƯ VÀ BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA KHẢO CỔ

3.1. Vai trò của địa mạo với sự hình thành điểm cư trú và di tích khảo cổ

3.1.1 Điều kiện cổ khí hậu đối với lịch sử phát triển địa hình ở Việt Nam

Khi áp dụng thuyết ổn định sinh học – bất ổn định sinh học khi nghiên cứu điều kiện cổ môi trường, cổ khí hậu với tương quan thành tạo trầm tích và dao động mực nước biển ở Việt Nam có thể rút ra một số điều sau: Trong Đệ Tứ, ở Việt Nam có 4 nhịp tạo cuội (trầm tích thô) ứng với 4 thời kỳ khí hậu khô hạn và xen kẽ là 4 thời kỳ mưa tạo trầm tích mịn, điều này tương đồng với chu kỳ băng hà gian băng toàn cầu cũng như dao động mực nước biển toàn cầu. Như vậy thời kỳ Holocen nằm trong giai đoạn gian băng với tính chất mưa ẩm ở nhiệt đới với xu thế tạo trầm tích hạt mịn và ổn định sinh học. Đặc biệt trong giai đoạn Holocen muộn từ khoảng 4000 năm trở lại đây xu thế dao động mực nước biển tương đối ổn định tạo điều kiện hình thành đồng bằng châu thổ với phù sa màu mỡ cùng khí hậu nóng ẩm mưa nhiều và ổn định sinh học. Đây là điều kiện tự nhiên lý tưởng cho hình thành các cư dân nông nghiệp ở đồng bằng sông Hồng

3.1.2 Dao động mực nước biển từ cuối Pleistocen muộn

Từ khoảng 18000 năm BP mực nước biển tăng nhanh từ cho tới khoảng 6000 năm BP và từ 6000 năm BP đến khoảng 4500 năm BP là một giai đoạn mực nước biển có xu thế đứng yên hoặc dao động nhẹ quanh mức 3-4 m cao hơn mực nước biển ngày nay. Sau đó biển thoái dần và hạ xuống ở mức 2 m vào khoảng 3700 năm BP. Từ 3700 đến 3200 năm BP mực nước dâng lên một chút ở mức 2,5 m, tương ứng với đợt biển tiến nhỏ được nhắc đến trong các nghiên cứu của Lê Đức An, Trần Đức Thanh và Doãn Đình Lâm. Từ 3200 năm BP tới 2700 năm BP mực nước biển hạ xuống mức xấp xỉ 1 m rồi sau đó hạ thấp dần về mực nước biển ngày nay. Quá trình dao động

mực nước biển này dẫn đến việc trong hầu hết giai đoạn Holocen giữa, hầu hết đồng bằng phía nam sông Hồng của Hà Nội bị ngập dưới biển hoặc nằm trong bãi triều/đới rừng ngập mặn. Cho đến giai đoạn 4200 năm BP thì đới này mới rút xuống khoảng dưới khu vực nội thành Hà Nội hiện nay. Từ 4200 năm BP tới 3700 năm BP mực nước biển hạ thấp đồng bằng mở rộng nhưng lại bị thu hẹp trong giai đoạn từ 3700 đến 3200 năm BP và phải đến sau 2700 năm BP khu vực đồng bằng thấp phía Nam Hà Nội mới thực sự ổn định.

3.2. Lịch sử phát triển địa hình trong mối quan hệ với các di tích và nền văn hóa khảo cổ khu vực Hà Nội.

3.2.1 Giai đoạn Pleistocen muộn

Cho trước đợt biển tiến cuối cùng bắt đầu vào cuối Pleistocen muộn vào 18000 năm BP, toàn bộ đồng bằng Sông Hồng và có thể cả vịnh Bắc Bộ là một đồng bằng châu thổ rộng lớn. Do lúc này ở một độ cao khá lớn so với mực nước biển nên khu vực Hà Nội hình thành nên các thềm sông bậc I. Với một đồng bằng rộng lớn như thế có thể các cư dân văn hóa Sơn Vi đã có một diện cư trú rộng lớn và các thềm sông tuổi Pleistocen là một địa hình cư trú quan trọng. Trong thời kỳ biển tiến, mực nước biển tăng nhanh đã xói mòn, phá hủy, chia cắt và nhấn chìm phần lớn đồng bằng này, và phần nhiều các nơi cư trú của văn hóa Sơn Vi ở đồng bằng thấp hơn cũng đã bị phá hủy. Hơn nữa cũng phải hiểu rằng ở sơ kỳ thời đại đồ đá mới, các cư dân tiền sử vẫn sống nhờ săn bắt hái lượm, chưa có khả năng định cư lâu dài hay canh tác nông nghiệp do đó đến ngày nay các di chỉ văn hóa Sơn Vi chỉ có thể tìm thấy ở những khu vực thềm sông tuổi Pleistocen cao trên 12 m không bị chia cắt hay tác động bởi biển tiến.

3.2.2 Giai đoạn Holocen sớm

Giai đoạn biển tiến đầu Holocen từ 11700 năm đến khoảng 8200 năm BP, mực nước biển từ thấp hơn 40 - 50 m đã tăng nhanh

chóng lên mức xấp xỉ mực biển hiện tại. Trong phân tích về dao động mực nước biển ở phần trước các nghiên cứu về dao động mực nước biển cũng chỉ ra tốc độ dâng mực nước biển giai đoạn này là rất nhanh cùng với đó là khí hậu ẩm ướt mưa nhiều. Do số lượng di chỉ ít và kiểu địa hình thống nhất tuyệt đối nên cũng không có nhiều vấn đề để bàn về đặc điểm dạng địa hình phân bố của các di chỉ Hòa Bình nhưng việc lựa chọn các hang đá là nơi có địa hình cao ráo ổn định lại có chỗ che chắn có lẽ là thích hợp nhất khi mà niên đại các di chỉ văn hóa Hòa Bình ở Hà Nội có tuổi khoảng 11.000 năm BP nằm trong thời kỳ biển tiến khá mạnh mẽ thuộc Holocen sớm

3.1.3 Giai đoạn Holocen giữa

Giai đoạn Holocen giữa từ 8200 năm BP cho đến khoảng 4200 năm BP. Đây là giai đoạn biển tiến cực đại, lúc này tốc độ dâng lên của mực nước biển không còn nhanh như trước nhưng mực nước biển lại cao hơn mực nước biển ngày nay và thậm chí đã nhấn chìm cả đồng bằng Hà Nội. Vào đỉnh cao của biển tiến có lẽ cả Hà Nội như một vịnh lớn với ranh giới tương đương với dấu vết của hệ tầng Hải Hưng đó là sát tới các thềm Pleistocen ở khu vực Đông Anh và Chương Mỹ. Đây cũng chính là thời kỳ trống của các di chỉ khảo cổ khu vực Hà Nội. Điều này cũng dễ hiểu khi phần lớn diện tích Hà Nội lúc này đang chìm trong nước biển, kể cả các khu vực sinh sống trước đó là khối đá vôi ở Mỹ Đức lúc này cũng bị bao quanh bởi biển, không còn nguồn nước ngọt cung cấp cho con người.

3.1.4 Giai đoạn Holocen muộn

Giai đoạn từ 4200 đến 3700 năm BP biển thoái, đồng bằng sông Hồng đã được mở rộng với tốc độ khá nhanh. Từ khoảng 4000 năm BP khi đồng bằng đủ lớn đã hình thành nên lớp cư dân kim khí đầu tiên: cư dân văn hóa Phùng Nguyên.

Giai đoạn từ 3700 năm đến 3200 năm là giai đoạn một đợt biển tiến nhỏ trong toàn bộ thời gian này biển dâng lên khoảng nửa

m. Điều này dẫn đến sự mở rộng của vùng ngập mặn và thu hẹp khu vực đồng bằng thuận lợi cho nông nghiệp hoặc tạo ra các thay đổi về mặt khí hậu. Trong thời gian này xuất hiện văn hóa Đồng Đậu là nền văn hóa khảo cổ tiếp sau văn hóa Phùng Nguyên với niên đại từ 3000 – 3500 năm BP, tuy có trình độ kỹ thuật cao hơn nhưng số di tích và diện phân bố của văn hóa Đồng Đậu lại bị thu hẹp so với văn hóa Phùng Nguyên.

Từ sau 3200 năm BP là giai đoạn biến thoái ổn định. Đây cũng chính là giai đoạn đồng bằng sông Hồng phát triển mạnh mẽ. Trong thời kỳ này, cùng với sự mở rộng về diện tích đồng bằng là sự phát triển về khoa học kỹ thuật văn hóa cũng như địa bàn cư trú của nhóm cư dân cổ ở đồng bằng sông Hồng

3.3. Địa mạo cho định hướng tìm kiếm và bảo tồn di chỉ khảo cổ

3.3.1. Một số các khu vực cư trú quan trọng của người Việt cổ

Một số các khu vực cư trú quan trọng trên các dạng địa hình khu vực thành phố Hà Nội có thể chỉ ra là: Khu vực Ba Vì – Sơn Tây, Khu vực Đông Anh – Mê Linh, Khu vực Hoài Đức, Khu vực nội thành Hà Nội, Khu vực đồng bằng trũng thấp phía nam Hà Nội.

3.3.2. Phân tích biến động lòng sông trong mối quan hệ với các di chỉ khảo cổ

Một trong các cơ sở khoa học quan trọng để nhìn nhận một cách rõ nét về đặc trưng và tính quy luật trong phân hóa địa hình ở vùng đồng bằng châu thổ như đồng bằng sông Hồng là phân tích biến động lòng sông, xác định các lòng sông cổ và đới biến động lòng sông. Các đới biến động lòng sông đặc biệt là lòng sông hiện đại sẽ dịch chuyển xói mòn và phá hủy các dạng địa hình cổ và các di chỉ khảo cổ tồn tại trên đó. Do đó các đới biến động lòng sông thường là các khu vực ít có tiềm năng tìm kiếm di chỉ, cũng như việc chỉ ra các khu vực liên quan tới biến động lòng sông cũng có thể cảnh báo tới an toàn của các di chỉ, di tích. Như phần trên đã giới

thiệt về dấu vết lòng sông cổ và một số lòng sông cổ của thành phố Hà Nội. Các lòng sông cổ không chỉ tồn tại độc lập, mà thường là cả hệ thống, tạo nên đới biến động lòng sông.

3.3.3 Các dạng địa hình tiềm năng và ít tiềm năng cho các di chỉ khảo cổ

Theo qui luật phân bố trên các dạng địa hình nói chung của các di chỉ khảo cổ thì các khối sót và rìa các thềm sông bậc I tuổi Pleistocen muộn là những địa hình có tiềm năng nhất cho các di chỉ cư trú của người Việt cổ

Về các dạng địa hình ít có tiềm năng khảo cổ đầu tiên là các địa hình sườn và bóc mòn.

Khu vực Hà Nội có 2 con sông chính có đới biến động hiện đại lớn nhất và xuất hiện rõ ràng trên địa hình là sông Hồng và sông Đáy. Trong những đới này gần như không có cơ hội xuất hiện các di chỉ, vì kể cả những nơi đó từng có các hoạt động cư trú thì việc bị phá hủy bởi các hoạt động uốn khúc của lòng sông là rất cao. Lòng các dòng sông nhỏ hiện đại cũng có khá ít cơ hội tìm kiếm di chỉ. Ngoài ra các đới bãi bồi trong đê bị chia cắt mạnh bởi các lòng sông cổ cũng khó có khả năng tìm kiếm di chỉ hơn so với dạng địa hình khác.

3.3.4 Tiếp cận địa mạo văn hóa và hướng quản lý, bảo tồn các di sản văn hóa khảo cổ thành phố Hà Nội

Cần phải nhìn nhận các giá trị và đặc điểm địa mạo như là một thành phần không thể tách rời của một di tích khảo cổ học. Điều này đem lại nhiều giá trị và là cơ sở để ứng dụng địa mạo cho quản lý và bảo tồn các tích này. nghiên cứu địa mạo đã giúp chỉ ra các dạng địa hình tiềm năng cho di chỉ khảo cổ học. Việc phân vùng địa mạo có thể giúp đưa ra các nhóm chính sách phù hợp để quản lý di sản văn hóa khảo cổ - địa mạo một cách hợp lý và hiệu quả đồng thời có thể

đề xuất một số khu vực đặc biệt về địa mạo – khảo cổ để xây dựng các dạng công viên khảo cổ - địa khảo cổ

KẾT LUẬN

Từ việc nghiên cứu địa mạo cho xác định các điểm định cư và bảo tồn các di chỉ của người Việt cổ khu vực thành phố Hà Nội có thể đưa ra được một số kết luận và kiến nghị như sau:

1. Các di chỉ khảo cổ học đặc biệt là các điểm định cư của người Việt cổ luôn có mối liên hệ chặt chẽ với địa hình, việc nghiên cứu đặc điểm địa mạo phục vụ xác định các điểm định cư cổ là một hướng đi liên ngành có tính thực tế và ứng dụng cao đối với lịch sử và khảo cổ học.

2. Địa hình thành phố Hà Nội khá đa dạng, gồm địa hình núi, đồi, đồng bằng và các thung lũng sông, có sự phân hóa khá rõ ràng theo hướng từ tây bắc tới đông nam, phù hợp với hướng của dòng chảy sông Hồng với 4 nhóm nguồn gốc: i) Địa hình bóc mòn với 5 dạng địa hình; ii) Địa hình dòng chảy với 8 dạng địa hình; iii) Địa hình hỗn hợp sông biển và biển 3 dạng địa hình; iv) Địa hình karst với 3 dạng địa hình

3. Sự phân bố các di tích, di chỉ khảo cổ học trên các dạng địa hình hoàn toàn phù hợp và logic với đặc điểm từng di tích. Quá trình định cư và di cư của người Việt cổ có sự đồng nhất với lịch sử phát triển địa hình của khu vực nghiên cứu nói riêng và đồng bằng sông Hồng nói chung từ đó giải thích quá trình định cư và di cư của người Việt cổ từ văn hóa sơ kỳ đá mới cho đến các di tích cuối thời kỳ văn hóa Đông Sơn cách ngày nay 2.000 năm. Các biến động về mặt tự nhiên nhất là biến động về địa hình đã có các tác động rõ rệt tới quá trình cư trú của người Việt cổ. Dao động mực nước biển, quá trình hoạt động của sông và mở rộng, thu hẹp của đồng bằng châu thổ đã tác động trực tiếp đến diện phân bố của các di chỉ vào từng thời kỳ phát triển, tiến hóa của đồng bằng sông Hồng.

4. Nghiên cứu địa hình và quá trình biến đổi địa hình khu vực, cụ thể là quá trình hình thành và biến đổi vùng đồng bằng châu thổ giúp xác định được hoàn cảnh cổ địa mạo, từ đó liên hệ với hoạt động định cư của con người; hiểu được về hình thái các dạng địa hình và nhận diện những dạng địa hình thuận lợi cho sự định cư. Từ đó rút ra đặc điểm phân bố của các di tích và di chỉ khảo cổ. Ta có thể xác định các đặc điểm địa hình các di chỉ khảo cổ và điểm cư trú của người Việt cổ khu vực này là:

- Các di chỉ văn hóa Sơn Vi thường phân bố ở các thềm sông bậc II hoặc bậc I tuổi Pleistocen muộn cao trên 10m và không chịu tác động của biển tiến Holocen giữa. Các di chỉ văn hóa Hòa Bình phân bố trong các hang động Karst

- Giai đoạn biển tiến Holocen giữa do sự dâng cao của mực nước biển phần lớn diện tích Hà Nội chìm hoặc chịu tác động sâu sắc của biển tạo ra một giai đoạn trống trong quá trình cư trú của người cổ ở đây.

- Bắt đầu giai đoạn Holocen muộn (4200 năm BP) khí hậu ôn hòa, nước biển hạ thấp, đồng bằng mở rộng đã tạo điều kiện cho các cư dân nông nghiệp đầu tiên chiếm lĩnh đồng bằng, cư dân văn hóa Phùng Nguyên. Người Phùng Nguyên cư trú chủ yếu trên các bề mặt tích tụ sông biển và rìa các thềm của thềm bậc I tuổi cuối Pleistocen muộn.

- Tiếp sau giai đoạn văn hóa Phùng Nguyên là cư dân Đồng Đậu, tuy có sự phát triển hơn về khoa học kỹ thuật nhưng giai đoạn này lại có sự thu hẹp về diện phân bố, đây cũng là giai đoạn xuất hiện đợt biển tiến nhỏ trong Holocen muộn. Về dạng địa hình thì các điểm cư trú của người Đồng Đậu cũng tương tự như của văn hóa Phùng Nguyên

- Thời kỳ văn hóa Gò Mun và đặc biệt là Đông Sơn đánh dấu một sự phát triển vượt bậc về kỹ thuật của người Việt cổ cùng với sự

mở rộng mạnh mẽ của đồng bằng Hà Nội đã tạo điều kiện để con người phân bố rộng khắp trên toàn bộ khu vực Hà Nội. Đặc biệt thời kỳ văn hóa Đông Sơn lần đầu tiên các cư dân cổ đã chiếm lĩnh và phát triển đông đúc trên đồng bằng thấp trũng phía Nam Hà Nội

5. Từ những đặc điểm địa hình trên nghiên cứu xây dựng bản đồ địa mạo ứng dụng định hướng tìm kiếm các di chỉ khảo cổ giúp chỉ ra những khu vực tiềm năng cho khai quật khảo cổ học. Các kết quả nghiên cứu cho thấy thành phố Hà Nội không ngẫu nhiên là một khu vực có quá trình cư trú sớm và có vai trò đặc biệt quan trọng trong lịch sử dân tộc mà bởi vì ở đây là đỉnh hình thành của đồng bằng sông Hồng đồng thời có những dạng địa hình đặc biệt thuận lợi cho định cư lâu dài và hình thành nông nghiệp lúa nước ngay từ đầu Holocen muộn. Nghiên cứu địa mạo này không chỉ có ý nghĩa đối với việc nghiên cứu quá khứ, việc hiểu về đặc trưng của các dạng địa hình cũng như quá trình biến đổi địa hình sẽ là những căn cứ quan trọng trong công tác quy hoạch phát triển lãnh thổ trong tương lai.

Kiến nghị:

1. Để thuận tiện cho việc quản lý và đề xuất giải pháp bảo tồn, khai thác các di sản văn hóa khảo cổ trên địa bàn Hà Nội có thể chia ra 7 vùng địa mạo với các chính sách và định hướng phát triển khác nhau.

2. Cần coi các giá trị địa mạo như một thành phần của di tích khảo cổ để có thể nhìn nhận đúng đắn giá trị tự nhiên và văn hóa của mỗi di tích, đồng thời thuận lợi hơn trong công tác bảo vệ di tích. Các di tích khảo cổ quan trọng cần có hồ sơ về địa mạo.

3. Cần có cơ chế giám sát và khảo sát/thăm sát khảo cổ ở những khu vực tiềm năng cao có di chỉ khảo cổ trước khi thực hiện qui hoạch hoặc xây dựng.

4. Đề xuất 3 khu vực có đủ tiềm năng xây dựng công viên khảo cổ, địa – khảo cổ cho nghiên cứu khoa học và phát triển du lịch

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG BỐ

[1] Đặng Văn Bào, Nguyễn Quang Anh, Đặng Kinh Bắc, Phạm Thị Phương Nga; Địa mạo và vị trí định cư của người Việt cổ (lấy ví dụ: khu vực phía bắc thành phố Hà Nội); Hội nghị khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ 8: “Địa lý Việt Nam trong chiến lược đổi mới, phát triển và hội nhập, 2014

[2] Nguyễn Quang Anh; Đặc điểm phân bố di chỉ khảo cổ thời kỳ tiền sử trên các dạng địa hình khu vực Hà Nội; Hội nghị khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ 9: “Khoa học Địa lý Việt Nam với phát triển kinh tế xanh”, 2016

[3] Nguyễn Quang Anh; GIS and Geomorphology Apply to Research Distribution Characteristics of the Prehistoric Archaeological Site in Ha Noi; The 6th International Conference on Asian Network of GIS-based Historical Studies (ANGIS 2017), Guangzhou, China, 2017

[4] Nguyễn Thị Huệ, Nguyễn Quang Anh, “Nghiên cứu xác định dòng sông Tiêu Tương cổ (Bắc Ninh) (Qua phương pháp tiếp cận liên ngành)”, Tạp chí Khoa học xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN, số 3 2018

[5] Nguyễn Quang Anh, “Vị thế địa lý và tài nguyên thiên nhiên Hà Nội”, Chương 2, Giáo trình Hà Nội học, Nhà xuất bản ĐHQG Hà Nội, 2018

[6] Nguyễn Quang Anh, “Quá trình khai phá và định cư trung tâm châu thổ sông Hồng (Hà Nội) của cư dân Đông Sơn”, Hội thảo khoa học Quốc gia: Thời đại Hùng Vương trong tiến trình lịch sử Việt Nam, Hà Nội, 9 – 2019